

Số: 112/2022/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 30 tháng 9 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Quang Năng

Thư ký phiên họp: Bà Trương Thị Minh Hiền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 148/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/8/2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, Theo Quyết định mở phiên họp số 94/2022/QĐ-TA ngày 05/9/2022 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Người yêu cầu: Chị Nguyễn Thị Thu Đ; sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn Vĩnh Hội, xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh

2. Người yêu cầu: Anh Nguyễn Anh D; sinh năm 1987; có mặt.

Hộ khẩu thường trú trước khi xuất cảnh: Thôn Sơn Thành, xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh (Hiện đang lao động tại Nhật Bản), xin vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai của chị Nguyễn Thị Thu Đ và ý kiến trình bày của anh Nguyễn Anh D trong quá trình giải quyết việc ly hôn cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Nguyễn Anh D kết hôn hợp pháp với nhau vào ngày 14/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang, tỉnh phát sinh mâu thuẫn, không tin Hà Tĩnh. Trước khi kết hôn, hai bên được tự do tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Năm 2017 anh D đi lao động tại Nhật Bản, từ đó 2 vợ chồng bắt đầu tương nhau dẫn đến cãi vã, không tôn trọng

nhau. Nay vợ chồng không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tùng D1 sinh ngày 08/3/2014 và Nguyễn Như Hải Đ1, sinh ngày 19/2/2016. Vợ chồng thỏa thuận giao con Nguyễn Tùng D1 cho chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Như Hải Đ1 cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Anh Nguyễn Anh D hiện đang làm việc tại Nhật Bản, quá trình giải quyết vụ án, anh gọi điện trình bày ý kiến của mình về việc ly hôn như sau: Về điều kiện kết hôn, hôn nhân tự nguyện có đăng ký kết hôn như chị Đ khai là đúng. Từ năm 2017 khi anh đi làm việc tại Nhật Bản, do điều kiện vợ chồng phải sống xa nhau, không có điều kiện gần gũi chăm sóc nhau nên giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, anh nghi ngờ vợ có quan hệ bên ngoài nên từ đó vợ chồng mất tin tưởng, cãi vã nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn và anh đồng ý thuận tình ly hôn. Do điều kiện công việc anh không thể về Việt Nam để trực tiếp giải quyết việc ly hôn nên anh yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết việc ly hôn và ủy quyền cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị N; Trú tại: Thôn Sơn Thành, xã Đức Đồng, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh giao nhận tài liệu, chứng cứ. Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tùng D1 sinh ngày 08/3/2014 và Nguyễn Như Hải Đ1, sinh ngày 19/2/2016. Vợ chồng thỏa thuận giao con Nguyễn Tùng D1 cho chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Như Hải Đ1 cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau đã đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Nguyễn Anh D. Công nhận sự thỏa thuận giao con Nguyễn Tùng D1, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu Đ chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Như Hải Đ1, sinh ngày 19/2/2016 cho anh Nguyễn Anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng:

Anh Nguyễn Anh D hiện đang lao động tại Nhật Bản. Theo công văn số 12998/QLXNC- P5 ngày 22/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh thì anh Nguyễn Anh D đã xuất nhập cảnh nhiều lần, lần xuất cảnh gần đây nhất là ngày 02/9/2020 và hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết việc hôn nhân gia đình, vì điều kiện công việc anh Nguyễn Anh D không thể về Việt Nam được nên anh đề nghị giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị N giao nhận các tài liệu. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh Nguyễn Anh D theo thủ tục chung

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Nguyễn Anh D đã tuân thủ các điều kiện kết hôn và đã Đ1 ký kết hôn vào ngày 14/8/2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, anh D và chị Đ chung sống với nhau hạnh phúc cho đến khi anh D đi lao động tại Nhật Bản thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng ở xa nhau, không tin tưởng nhau nên dẫn đến luôn nghi ngờ lẫn nhau, dần dần tình cảm không còn nữa. Vợ chồng không có điều kiện chung sống, không được gần gũi nhau nên phát sinh nhiều mâu thuẫn, không tìm thấy tiếng nói chung dẫn đến tình cảm không còn, mục đích xây dựng hạnh phúc gia đình không đạt được. Nay các đương sự đều tự nhận thấy tình cảm không còn và không mong muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ này.

Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, hạnh phúc, các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nhưng cuộc hôn nhân của anh Nguyễn Anh D và chị Nguyễn Thị Thu Đ không làm được điều đó nên đã tự nguyện thỏa thuận ly hôn. Căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Quan hệ con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Tùng D1 sinh ngày 08/3/2014 và Nguyễn Như Hải Đ1, sinh ngày 19/2/2016. Vợ chồng thỏa thuận giao con Nguyễn Tùng D1 cho chị Đ chăm sóc nuôi dưỡng; giao con

Nguyễn Như Hải Đ1 cho anh D chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện anh D đang lao động tại Nhật Bản nên anh nhờ bố mẹ anh nuôi con cho đến khi anh về nước. Cháu Nguyễn Như Hải Đ1 sống cùng ông bà nội từ khi bố mẹ xảy ra mâu thuẫn năm 2017 đến nay, cháu học tập và phát triển bình thường, bố mẹ anh D cũng đồng ý nuôi cháu cho đến khi anh về nước. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và không trái pháp luật nên cần chấp nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[3] Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị Thu Đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 81, 82, 83, 84, 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, các Điều 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu Đ và anh Nguyễn Anh D.

2. Quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con Nguyễn Tùng Đ1, sinh ngày 08/3/2014 cho chị Nguyễn Thị Thu Đ chăm sóc nuôi dưỡng; giao con Nguyễn Như Hải Đ1, sinh ngày 19/2/2016 cho anh Nguyễn Anh D chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con, hai bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị Thu Đ (đã nộp 300.000đ tại biên lai số 0000263 ngày 05/8/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh).

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã Đức Lĩnh, huyện Vũ Quang;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

